

Số: 03/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 30-12-2020

*V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lạc.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tiến Thát

2. Ông Trương Văn Bình

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Anh Đặng Đức C, sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 13 xã T, huyện H, tỉnh Phú thọ

2- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khu 13 xã T, huyện H, tỉnh Phú thọ

Chị G hiện đang ở tại: SN 160, tổ 3 Khu N, Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Chị G vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, anh Đặng Đức C là nguyên đơn trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị G vào ngày 16/9/2007, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú thọ hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình anh tại xã Y, huyện H (nay là xã T) và cùng lao động tự do. Do chị G sinh con ngay sau kết hôn, anh không có công việc, thu

nhập không ổn định nên cuộc sống có nhiều khó khăn. Anh và bố mẹ anh đã thống nhất gửi 2 mẹ con chị G cho ông bà ngoại chăm sóc. Anh vẫn tiếp tục đi tìm việc và đi lại với mẹ con chị G. Do tìm việc làm có khó khăn nên anh quyết định vào Nam, chị G không đồng ý. Đã nhiều lần anh bảo chị G về ở với bố mẹ anh nhưng chị G nhất định không về, anh cũng không biết lý do vì sao. Do tìm việc làm không được nên không có tiền để chu cấp cho mẹ con chị G, mặt khác khuyên bảo chị G không nghe nên anh chán nản, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, hai bên không thông cảm cho nhau. Chính vì vậy, anh đã quyết định ở lại trong Nam làm ăn trong khoảng thời gian khá dài, vợ chồng cũng sống ly thân cho đến nay. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không còn tồn tại, anh xin được ly hôn với chị G.

Về con chung: Xác định vợ chồng có 01 con chung: Cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/10/2007, hiện cháu đang ở với chị G. Ly hôn, anh đồng ý chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh sẽ cấp dưỡng hàng tháng, mỗi tháng số tiền là 1.000.000đ cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đặng Đức C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải vụ án và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Theo đơn đề nghị của chị Nguyễn Thị G viết ngày 23/11/2020 gửi đến TAND huyện Hạ Hòa qua đường bưu điện thì chị G xác định: chị và anh C có đăng ký kết hôn và có 01 con chung là cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/10/2007. Vợ chồng ở với nhau được 2 năm thì anh C bỏ đi và không có trách nhiệm với vợ con. Khi đi anh C có mang theo chiếc xe máy do bố mẹ chị mua cho trước khi kết hôn, chị xác định là tài sản riêng. Nay anh C đề nghị giải quyết ly hôn thì anh C phải trả cho chị trị giá chiếc xe máy là 20.000.000đ. Ngoài ra từ lúc anh C bỏ đi không có trách nhiệm nuôi con ăn học, một mình chị nuôi dưỡng cháu. Chị yêu cầu anh C phải chu cấp tiền nuôi con hàng tháng số tiền là 2.000.000đ/tháng. Chị đề nghị TAND huyện Hạ Hòa xem xét đến các yêu cầu trên khi xét xử ly hôn. Nếu anh C muốn thuận tình ly hôn thì phải thanh toán những khoản tiền như chị đã đề nghị.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ nhiều lần nhưng chị G không có mặt làm việc. Bà Đào Thị Q là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị G cho biết: Anh C, chị G kết hôn năm 2007, sau kết hôn chị G sinh cháu ngay và về ở với vợ chồng tôi từ đó đến nay. Chị G đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án Hạ Hòa, tuy nhiên do chị G phải đi làm nên không đến Tòa án làm việc được. Việc anh C xin ly hôn chị G đó là việc riêng của anh chị, bà không có ý kiến gì.

Bà xác định trên thực tế anh C và chị G không chung sống với nhau từ năm 2012 đến nay.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. Nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa được quy định tại khoản 4 điều 207, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho anh C được ly hôn chị G. Giao chị G trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/10/2007 kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G từng tháng, mỗi tháng số tiền là 1.000.000đ kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh C, chị G đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí LHST và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc, tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị G vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Anh C đề nghị không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 điều 207 của BLTTDS. Do vậy vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Chị G vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; anh C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh C, chị G kết hôn ngày 16/9/2007, đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng ở tại gia đình anh C khoảng 1 tháng thì chị G và cháu nhỏ về ở với bố mẹ đẻ tại Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú

Thọ. Theo anh C trình bày thì sau kết hôn do chị G sinh con ngay nên cuộc sống có khó khăn, hơn nữa lúc đó anh không có việc làm, không có thu nhập nên kinh tế phụ thuộc nhiều vào bố mẹ. Anh vào N tìm việc làm nhưng chị G không đồng ý. Anh cũng đã nói chuyện với chị G về việc quay trở về với anh và gia đình nhưng chị G nhất định không về, anh cũng không biết lý do tại sao. Từ đó giữa hai vợ chồng tình cảm ngày càng xa cách, hai bên không thông cảm cho nhau. Xuất phát từ những lý do trên nên anh C đã ở lại trong Nam trong khoảng thời gian khá dài, cuộc sống chung của vợ chồng không còn tồn tại. Anh C xin ly hôn chị G để ổn định cuộc sống.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại UBND xã T, huyện H. Đại diện UBND, Hội phụ nữ xã T, huyện Hạ Hòa cho biết: Chị G kết hôn với anh C, không đăng ký kết hôn ở xã Y, huyện H. Năm 2010 chị G đăng ký nhân khẩu thường trú tại khu 5 xã Y, huyện H (nay là khu 13 xã T). Từ khi đăng ký thường trú đến nay chị G không ở tại địa phương. Anh C cũng đi làm ăn xa, thỉnh thoảng có về thăm gia đình. Theo báo cáo của gia đình anh C thì chị G về ở với mẹ đẻ tại Thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Do anh chị không thường xuyên ở địa phương nên về tình trạng hôn nhân của anh C, chị G như thế nào địa phương không nắm rõ. Đề nghị TAND huyện Hạ Hòa căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ khác để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Do chị G không có mặt theo giấy triệu tập nên TAND huyện Hạ Hòa đã phải triệu tập chị G đến tại trụ sở UBND Thị trấn P, huyện P để làm việc, tuy nhiên chị G cũng không có mặt. Tiến hành làm việc với bà Đào Thị Q là mẹ đẻ chị G, bà Q cho biết chị G hiện ở cùng với bà và làm công nhân trong công ty. Chị G không đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án là do chị bận đi làm. Mặt khác, chị G xác định vợ chồng chung sống với nhau được 2 năm sau kết hôn. Nếu anh C muốn ly hôn thì phải đáp ứng được 2 điều kiện mà chị G đã nêu trong đơn. Điều đó khẳng định khoảng 10 năm nay anh chị không tồn tại cuộc sống chung vợ chồng, tình yêu thương của chị G đối với anh C cũng không còn.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy tình trạng hôn nhân của anh C và chị G là trầm trọng, thực tế cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, không thể kéo dài đời sống chung như hiện nay khi mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh C và cần xử cho anh được ly hôn chị G là phù hợp.

[3]. Về con chung: Xác định anh C, chị G có một con chung là cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/10/2007, hiện cháu đang ở với chị G. Ly hôn, anh C đồng ý chị G tiếp tục nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và anh sẽ cấp dưỡng số tiền là 1.000.000đ một tháng đến khi cháu Quỳnh A thành niên. Chị G xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con từng tháng

số tiền là 2.000.000đ. Xét thấy việc chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là phù hợp bởi lẽ cháu Quỳnh A đang có cuộc sống ổn định với mẹ và bà ngoại, nguyện vọng của cháu cũng muốn được mẹ trực tiếp nuôi dưỡng sau khi bố mẹ ly hôn. Do vậy cần giao chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quỳnh A kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Theo quy định tại khoản 2 điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị G yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con cùng chị là chính đáng, bảo vệ quyền lợi của con chung. Tại Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại mục 2 phần III của Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của TAND Tối cao hướng dẫn: Mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con.

Anh C nhận cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000đ một tháng, HĐXX thấy phù hợp. Cần buộc anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từng tháng, mỗi tháng số tiền là 1.000.000đ kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Chị G yêu cầu anh C cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ một tháng nhưng chị không cung cấp cho Tòa án mức thu nhập của anh C là bao nhiêu một tháng. Hơn nữa trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị G có quyền đưa ra những yêu cầu đối với anh C để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị và của con chung nhưng chị đã không thực hiện được thể hiện bằng việc chị đã không thực hiện nghĩa vụ khi nhận được giấy triệu tập của Tòa án, chị cũng không có văn bản gửi đến Tòa án để xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo đơn đề nghị của chị G viết ngày 23/11/2020 thì chị xác định khi anh C bỏ đi có đem theo một chiếc xe máy là tài sản của chị do bố mẹ chị mua cho trước kết hôn. Chị yêu cầu anh C phải thanh toán giá trị chiếc xe là 20.000.000đ. Xét thấy: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho chị G hợp lệ đảm bảo quyền và lợi ích của chị G khi giải quyết vụ án, chị G đã nhận được. Tuy nhiên chị G không có bất kỳ ý kiến phản hồi nào bằng văn bản gửi đến Tòa án và cũng không đến Tòa án để làm việc. Chỉ sau khi Tòa án có Quyết định đưa vụ án ra xét xử thì chị G mới có văn bản viết ngày 23/11/2020 gửi đến Tòa án qua đường bưu điện. Mặt khác, hiện chị G chưa có bất kỳ tài liệu, chứng cứ để

chứng minh cho yêu cầu của mình, chị G vắng mặt nên không thể làm rõ được ngay tại phiên tòa. HĐXX tách yêu cầu của chị G để giải quyết bằng vụ án dân sự khác nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu giải quyết.

[5] Về án phí: Anh C phải chịu 300.000đ án phí LHST và 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 56, điều 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, khoản 1 điều 238 – BLTTDS; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đặng Đức C được ly hôn chị Nguyễn Thị G.

2- Về con chung: Xử giao chị G trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 08/10/2007 kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị G từng tháng, mỗi tháng số tiền là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 01/2021 cho đến khi cháu Quỳnh A thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh C, chị G có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị G và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh C thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3 - Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

4- Về án phí: Anh Đặng Đức C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0002450 ngày 07/10/2020 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa (Xác nhận đã nộp).

Anh Đặng Đức C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng.

Anh C, chị G có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND TT P, huyện H;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Lạc